

Bản án số: 45/2026/HS-ST
Ngày 16 tháng 3 năm 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàn Đại và bà Trịnh Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 48/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Lê Đức H**; sinh ngày 03 tháng 9 năm 1973 tại Thanh Hóa; nơi ĐKTT và cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038073034169; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Hoàng Thị H1; vợ: Lương Thị P và có 02 con; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Bản án số 24/2016/HS-ST ngày 14/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xử phạt 10 tháng 03 ngày tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo được trả tự do tại phiên tòa, chấp hành xong án phí ngày 01/7/2016.

- Bản án số 20/2018/HS-ST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 19/4/2018 chấp hành xong án phí; ngày 26/4/2024 chấp hành xong án phạt tù.

Nhân thân: Bản án số 08/1994/HS-ST ngày 27/01/1994 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 03 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có”; Bản án số 115/1995/HS-ST ngày 26/9/1995 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 1209/1997/HS-PT ngày

31/7/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 257/2000/HS-ST ngày 12/12/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/10/2025, đến ngày 05/11/2025 chuyển tạm giam, đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

2. Bị cáo **Đỗ Văn Q**; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1993 tại Thanh Hóa; nơi ĐKTT và cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038093002100; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0712; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị T; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 20/2022/HS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong án phí ngày 28/12/2022; chấp hành xong án phạt tù ngày 12/9/2023; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/10/2025, đến ngày 05/11/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Hoàng Hóa (Cơ sở 1) Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14^h ngày 27/10/2025, Lê Đức H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HYOSUNG BKS 36A-011.25 đến nhà Đỗ Văn Q, gặp Q ở cổng H hỏi “Có lấy được hàng không lấy tý chơi”, Q hiểu H nói là mua ma túy và trả lời “nhưng không có tiền”, H nói cầm điện thoại của H lấy tiền mua ma túy thì Q đồng ý; sau đó, H chở Q đến hiệu thuốc tây ở xã H và đưa cho Q 10.000 đồng mua 02 xilanh, 02 lọ nước cất bỏ vào túi áo đang mặc; H tiếp tục chở Q đến quán điện thoại trên đường T thuộc địa phận xã H, H đưa điện thoại của mình cho Q vào cầm cố cho anh Lê Xuân L1 được 500.000 đồng, H chở Q đến khu vực Công ty T1 thuộc địa bàn xã H để tìm mua ma túy. Tại đây, Q gặp 01 thanh niên đeo khẩu trang đang ngồi trên yên xe máy ở ven đường, cả 2 dừng lại nói chuyện và biết người này tên là N, Q hỏi mua 500.000 đồng ma túy thì N đồng ý và đưa cho Q 01 gói giấy chứa ma túy. Sau khi mua được ma túy H chở Q đến khu vực nghĩa trang T2, xã H để sử dụng ma túy; cả hai đến một khu lăng mộ ở sát rìa cánh đồng lúa, Q đưa gói ma túy cho H mở ra, Q xé 02 túi đựng 2 xilanh rồi rút phần bơm sau đó Q đẩy lại và bỏ 1 lọ nước cất và cắm kim vào hút nước cất vào xilanh đã chứa ma túy; Q lắc đều cho ma túy tan vào nước cất rồi chia vào 02 xilanh làm 2 phần bằng nhau; Q sử dụng 01 xilanh còn đưa H 1 xilanh. Q tiêm ma túy trong khu mộ còn H ra khu vực đường tiếp giáp ruộng để tiêm rồi vứt xilanh ở gần đó; đến 18^h40’ Công an xã H phát hiện đã đưa cả hai về trụ sở làm việc, khoảng 21^h cùng ngày, Lê Đức H và Đỗ Văn Q xin đầu thú khai nhận hành vi của mình.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Đức H và Đỗ Văn Q không thu giữ được gì liên quan đến vụ án.

Tiến hành test chất ma túy trong nước tiểu của Lê Đức H và Đỗ Văn Q kết quả dương tính với chất ma túy OPI.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã tiến hành giám định chất ma túy trong 02 xilanh bằng nhựa loại 3ml gắn kim tiêm đã qua sử dụng và 01 mảnh giấy kẻ ôly kích thước (3,8 x 3,8)cm được niêm phong trong túi chuyên dụng và 02 chai đựng nước tiểu của Đỗ Văn Q và Lê Đức H được niêm phong.

Kết luận giám định số 4210/KL-KTHS ngày 31/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh T. Kết luận:

- Tìm thấy chất ma túy, loại Heroine (Heroin) trên 02 xilanh bằng nhựa loại 3ml gắn kim tiêm, đã qua sử dụng của túi niêm phong gửi giám định;
- Tìm thấy chất ma túy, loại: Heroine (Heroin) trên mảnh giấy kẻ ôly kích thước (3,8x3,8)cm của túi niêm phong gửi giám định;
- Tìm thấy chất ma túy, loại: Morphine, Codeine trong mẫu nước tiểu của Đỗ Văn Q, Lê Đức H gửi đến giám định.

Về vật chứng:

- 01 xe máy nhãn hiệu HYOSUNG, màu xanh đen, BKS 36AS-011.25 chủ sở hữu Lê Đức H.
- Các đồ vật là công cụ để sử dụng ma túy: 02 vỏ bọc bơm kim tiêm nhãn Banapha đã bị xé rách; 02 xilanh bằng nhựa loại 3ml có gắn kim tiêm đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy dạng giấy kẻ ôly kích thước (3,8x3,8)cm; 01 ống thủy tinh dạng ống đựng nước cất nhãn Novocain 3% đã bị vỡ mất một phần đầu ống và 01 ống thủy tinh dạng ống đựng nước cất nhãn Novocain 3% đang còn nguyên vẹn.

Cáo trạng số 78/CTr-VKSKV4 ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Lê Đức H và Đỗ Văn Q về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Lê Đức H theo điểm h khoản 2 Điều 255, bị cáo Đỗ Văn Q theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2025).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên, sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm h khoản 2 Điều 255 BLHS (Đối với bị cáo H); khoản 1 Điều 255 BLHS (Đối với bị cáo Q); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi năm 2025); Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên bố các bị cáo Lê Đức H và

Đỗ Văn Q phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; đề nghị mức hình phạt đối với Lê Đức H từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù; Đỗ Văn Q từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu HYOSUNG, BKS: 36AS-011.25 của Lê Đức H; tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bọc bơm kim tiêm nhãn Banapha đã bị xé rách; 02 xilanh bằng nhựa loại 3ml có gắn kim tiêm đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy dạng giấy kẻ ôly kích thước (3,8 x 3,8)cm; 01 ống thủy tinh dạng ống đựng nước cất nhãn Novocain 3% đã bị vỡ mất một phần đầu ống và 01 ống thủy tinh dạng ống đựng nước cất nhãn Novocain 3% đang còn nguyên vẹn và buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Lê Đức H và Đỗ Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội, cùng vật chứng đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để kết luận vào khoảng 14^h ngày 27/10/2025 Lê Đức H là người đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích lại rủ Đỗ Văn Q đi cầm cố điện thoại của H lấy tiền mua ma túy và tìm địa điểm tại khu vực nghĩa trang T2 xã H, tỉnh Thanh Hóa để tổ chức sử dụng ma túy cho nhau; Đỗ Văn Q là người đi cầm cố điện thoại của H lấy tiền mua ma túy, mua xi lanh, nước cất và trực tiếp pha ma túy để cả hai cùng sử dụng. Do đó hành vi nêu trên của bị cáo Lê Đức H và Đỗ Văn Q đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái

phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi năm 2025) đối với Lê Đức H; khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi năm 2025) đối với Đỗ Văn Q như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa truy tố theo tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ.

[3]. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về chất ma túy, các bị cáo nhận thức rõ về tác hại và sự nguy hiểm của ma túy nhưng vẫn cố ý tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Mặt khác hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây tác hại đến nhiều mặt của đời sống xã hội vì vậy cần phải xử lý các bị cáo và áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo Lê Đức H và Vũ Văn Q1 đồng phạm với nhau trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể cho từng người. Tuy nhiên xét về vai trò, bị cáo H là người rủ rê, khởi xướng chờ Q1 đi cầm cố điện thoại lấy tiền mua ma túy và tìm địa điểm để tổ chức sử dụng ma túy nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Q1 là người đi cầm cố điện thoại của H lấy tiền mua ma túy, mua xi lanh, nước cất và trực tiếp pha ma túy để cả hai cùng sử dụng nên Q1 có vai trò sau H. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xem xét, cân nhắc mức hình phạt cho phù hợp đối với từng bị cáo.

[5] Bị cáo Lê Đức H, ngày 14/4/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 10 tháng 03 ngày tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Bị cáo chưa được xóa án tích, đến ngày 21/6/2018 bị cáo tiếp tục phạm tội và bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2024 phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Ngày 27/10/2025 bị cáo tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” .

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lê Đức H và Đỗ Văn Q không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, sau khi bị kiểm tra hành chính các bị cáo đã đầu thú, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6.3] Nhân thân: Ngày 27/01/1994 bị cáo Lê Đức H bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 03 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có”; ngày 26/9/1995 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 31/7/1997 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 12/12/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Đỗ Văn Q, ngày 28/12/2022 Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[8] Đối với người có liên quan trong vụ án: Quá trình điều tra, Lê Đức H và Đỗ Văn Q khai nhận nguồn gốc ma túy là do H và Q mua của người đàn ông tên N, do không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra Công an tỉnh T không có cơ sở để xử lý.

[9] Vật chứng: 01 xe máy nhãn hiệu HYOSUNG, màu xanh đen, BKS 36AS-011.25 Lê Đức H dùng làm phương tiện để đi mua ma túy, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với các đồ vật là công cụ để sử dụng ma túy gồm: 02 vỏ bọc bơm kim tiêm nhãn Banapha đã bị xé rách; 02 xilanh bằng nhựa loại 3ml có gắn kim tiêm đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy dạng giấy kẻ ôly kích thước (3,8x3,8)cm; 01 ống thủy tinh dạng ống đựng nước cất nhãn Novocain 3% đã bị vỡ mất một phần đầu ống và 01 ống thủy tinh dạng ống đựng nước cất nhãn Novocain 3% đang còn nguyên vẹn cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Án phí: Các bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp miễn án phí nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi năm 2025) đối với Lê Đức H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi năm 2025) đối với Đỗ Văn Q;

Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Đức H và Đỗ Văn Q phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

Bị cáo Lê Đức H **09 (Chín)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2025.

Bị cáo Đỗ Văn Q **03 (Ba)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2025.

Vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 mô tô nhãn hiệu HYOSUNG, BKS 36AS-011.25 xe đã qua sử dụng; tịch thu tiêu hủy 01 túi niêm phong mã số PS3 2008332 và 01 túi niêm phong mã số PS324160599 (Chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng số 69/BBGN2026 ngày 13/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Thanh Hóa)

Án phí: Buộc các bị cáo Lê Đức H và Đỗ Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4 - Thanh Hóa;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký)

Cao Thị Nga